TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 04 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Phạm Tú Nhi – Hưu Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm – Chủ tịch Hội LHPN phường Bình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Quỳnh Tố Q, sinh năm 1999; thường trú: Số 32/6 khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Từ Thành N, sinh năm 1996; thường trú: Số 32/6 khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Quỳnh Tố Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 209/2019-KH ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ Số 32/6, khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời

gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi và đánh nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng và hai bên gia đình đã có khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 04/11/2021. Nay, chị Vũ Quỳnh Tố Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Từ Thành N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Từ Thành Đ, sinh ngày 08/05/2018. Khi vợ chồng sống ly thân con chung do anh Từ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị Vũ Quỳnh Tố Q đồng ý giao con chung cho anh Từ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng và chị Quyên tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Từ Thành Đ mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Quỳnh Tố Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Từ Thành N:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 27/03/2023 và 10/04/2023 nhưng anh Từ Thành N không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ an, tỉnh Bình Dương xác minh ngày 28/02/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An cung cấp thông tin như sau: Chị Vũ Quỳnh Tố Q không phải là hội viên của Hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, Chị Vũ Quỳnh Tố Q không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 27/3/2023 và ngày 10/04/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Vũ Quỳnh Tố Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Từ Thành N vắng mặt tại phiên

tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 209/2019-KH ngày 13 tháng 9 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Vũ Quỳnh Tố Q cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ với nhau, thường xuyên tranh cãi và đánh nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay, chị Vũ Quỳnh Tố Q xác định tình cảm vợ chồng với anh Từ Thành N không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Từ Thành N sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Từ Thành N không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị Vũ Quỳnh Tố Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N có 01 con chung tên Từ Thành Đ, sinh ngày 08/05/2018. Chị Quyên đồng ý giao con chung cho anh Từ Thành N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Từ Thành Đ. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Từ Thành Đ do anh Từ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định của con chung cần tiếp tục giao cháu Từ Thành Đ cho anh Từ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Vũ Quỳnh Tố Q có quyền đi lại thăm con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Quỳnh Tố Q tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Từ Thành Đ với số tiền 1.500.000 đồng mỗi tháng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Vũ Quỳnh Tố Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Quỳnh Tố Q với anh Từ Thành N

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Quỳnh Tố Q được ly hôn với anh Từ Thành N (Giấy chứng nhận kết hôn số 209/2019-KH ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 13/9/2019)

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Từ Thành Đ, sinh ngày 08/5/2018 cho anh Từ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn chị Vũ Quỳnh Tố Q và anh Từ Thành N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Quỳnh Tố Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Từ Thành Đ, sinh ngày 08/5/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Quỳnh Tố Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0006028 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Vũ Quỳnh Tố Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường D, thành phố D, tỉnh B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên